

UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG VƯƠNG

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH
QUÍ 4/2024

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc công khai thu, chi ngân sách quý 4 năm 2024 của
Trường Tiểu học Trung Vương”

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học được quy định trong Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào bảng đối chiếu ngân sách quý 4/2024 của trường TH Trung Vương;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách quý 4 năm 2024 của trường Tiểu học Trung Vương (kèm theo biểu số 03)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, kế toán và toàn thể giáo viên trong nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đào Thị Bích Thủy

BIÊN BẢN

**“Về việc niêm yết công khai ngân sách quý 4/2024 của trường tiểu học
Trung Vương”**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Quyết định số 25/QĐ- PGD&ĐT ngày 05/01/2024 về việc giao dự toán thu-chi năm 2024".

Căn cứ vào bảng đối chiếu ngân sách Quý 4/2024 của Trường TH Trung Vương.

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-THTV ngày 06/01/2025 của hiệu trưởng Trường Tiểu học Trung Vương;

Hôm nay, vào hồi 8h00' ngày 06/01/2025 tại phòng họp của trường Tiểu học Trung Vương

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, CC, VC, NV của trường tiểu học Trung Vương: 41 người
- Chủ trì: Đào Thị Bích Thủy - Chức vụ: Hiệu Trưởng
- Đại diện Tổ Công Đoàn: Nguyễn Thị Thu Hà- Chức vụ: CTCD
- Người ghi biên bản: Nguyễn Thùy Dương - Chức vụ: Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai ngân sách quý 4/2024 của Trường tiểu Học Trung Vương (kèm theo biểu số 03).

2.2. Thời gian niêm yết: kể từ ngày 06/01/2025 đến hết ngày 06/04/2025.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại Bảng thông báo, trang Web của Trường tiểu học Trung Vương- phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai báo cáo ngân sách quý 4/2024 của Trường tiểu học Trung Vương đề nghị gửi kiến nghị về trường tiểu Trung Vương (qua đ/c Nguyễn Thùy Dương - Chức vụ: Thư ký) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường Tiểu Học Trung Vương thực hiện việc bảo đảm an toàn nội dung công khai ngân sách quý 4/2024 của trường tiểu học Trung Vương từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 10h00' ngày 06/01/2025 niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại nhà trường/



HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Bích Thủy



CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Nguyễn Thị Thu Hà

THƯ KÝ

A blue ink handwritten signature of the secretary.

Nguyễn Thùy Dương

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương
Mã ĐVQHNS: 1067391
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý IV năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12				287.000.000	(427.482.182)	616.770.818	616.770.818	313.759.298	506.652.183				110.118.635
	072			287.000.000	(427.482.182)	616.770.818	616.770.818	313.759.298	506.652.183				110.118.635
				287.000.000	(427.482.182)	616.770.818	616.770.818	313.759.298	506.652.183				110.118.635
13				7.665.260.000	904.950.000	8.570.210.000	8.570.210.000	2.809.465.212	8.496.905.000				73.305.000
	072			7.665.260.000	904.950.000	8.570.210.000	8.570.210.000	2.809.465.212	8.496.905.000				73.305.000
				7.665.260.000	904.950.000	8.570.210.000	8.570.210.000	2.809.465.212	8.496.905.000				73.305.000
18					212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000				
	072				212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000				
					212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000				
28												73.305.000	
	072											73.305.000	
												73.305.000	
Cộng:				7.952.260.000	689.492.818	9.399.005.818	9.399.005.818	3.335.249.510	9.215.582.183			73.305.000	183.423.635
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày tháng năm
Kế toán
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Kế toán trưởng
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Nền
Đào Thị Bích Thủy

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu học Trung Vương
Mã ĐVQHNS: 1067391
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý IV năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	12						313.759.298	506.652.183	313.759.298	506.652.183
Giáo dục tiểu học		072					313.759.298	506.652.183	313.759.298	506.652.183
Phụ cấp lương			6100				155.767.248	290.594.066	155.767.248	290.594.066
Phụ cấp khác			6149				155.767.248	290.594.066	155.767.248	290.594.066
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			6150				7.200.000	18.450.000	7.200.000	18.450.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157				7.200.000	18.450.000	7.200.000	18.450.000
Thanh toán dịch vụ công cộng			6500				10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Tiền điện			6501				10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Vật tư văn phòng			6550				61.288.000	61.288.000	61.288.000	61.288.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			6552				50.191.000	50.191.000	50.191.000	50.191.000
Vật tư văn phòng khác			6599				11.097.000	11.097.000	11.097.000	11.097.000
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				16.917.550	21.655.617	16.917.550	21.655.617
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			6605				3.960.000	8.698.067	3.960.000	8.698.067
Philm ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện			6608				12.957.550	12.957.550	12.957.550	12.957.550
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			6900				30.890.000	30.890.000	30.890.000	30.890.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				30.890.000	30.890.000	30.890.000	30.890.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000				27.838.000	35.920.000	27.838.000	35.920.000
Chi khác			7049				27.838.000	35.920.000	27.838.000	35.920.000
Chi khác			7750				3.858.500	37.854.500	3.858.500	37.854.500
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện			7757				3.858.500	3.858.500	3.858.500	3.858.500

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Chi các khoản khác			7799					33.996.000		33.996.000
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	13				(32.000.000)		2.841.465.212	8.496.905.000	2.809.465.212	8.496.905.000
Giáo dục tiểu học		072			(32.000.000)		2.841.465.212	8.496.905.000	2.809.465.212	8.496.905.000
Tiền lương			6000				1.079.886.597	3.734.517.353	1.079.886.597	3.734.517.353
Lương theo ngạch, bậc			6001				1.079.886.597	3.734.517.353	1.079.886.597	3.734.517.353
Phụ cấp lương			6100				565.987.102	1.927.795.856	565.987.102	1.927.795.856
Phụ cấp chức vụ			6101				16.146.000	53.568.000	16.146.000	53.568.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ			6105				1.072.961	7.144.933	1.072.961	7.144.933
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm			6107				1.404.000	4.968.000	1.404.000	4.968.000
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				367.721.640	1.258.998.210	367.721.640	1.258.998.210
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				2.106.000	7.452.000	2.106.000	7.452.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				177.536.501	595.664.713	177.536.501	595.664.713
Tiền thưởng			6200				21.300.000	21.300.000	21.300.000	21.300.000
Thưởng thường xuyên			6201				21.300.000	21.300.000	21.300.000	21.300.000
Phúc lợi tập thể			6250				19.760.000	32.480.000	19.760.000	32.480.000
Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị			6254				13.240.000	13.240.000	13.240.000	13.240.000
Chi khác			6299				6.520.000	19.240.000	6.520.000	19.240.000
Các khoản đóng góp			6300				299.288.739	1.046.746.692	299.288.739	1.046.746.692
Bảo hiểm xã hội			6301				222.874.593	773.184.151	222.874.593	773.184.151
Bảo hiểm y tế			6302				38.207.073	140.399.333	38.207.073	140.399.333
Kinh phí công đoàn			6303				25.471.383	87.777.835	25.471.383	87.777.835
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				12.735.690	45.385.373	12.735.690	45.385.373
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân			6400		(32.000.000)		430.089.826	444.669.826	398.089.826	444.669.826
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			6404		(32.000.000)		413.967.226	413.967.226	381.967.226	413.967.226

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Chi khác			6449				16.122.600	30.702.600	16.122.600	30.702.600
Thanh toán dịch vụ công cộng			6500				27.228.263	92.544.427	27.228.263	92.544.427
Tiền điện			6501				17.322.143	63.195.057	17.322.143	63.195.057
Tiền nước			6502				6.306.120	25.749.370	6.306.120	25.749.370
Tiền vệ sinh, môi trường			6504				3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Vật tư văn phòng			6550				60.920.200	145.193.200	60.920.200	145.193.200
Văn phòng phẩm			6551				20.945.000	20.945.000	20.945.000	20.945.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			6552				27.225.200	63.140.200	27.225.200	63.140.200
Khoản văn phòng phẩm			6553					8.750.000		8.750.000
Vật tư văn phòng khác			6599				12.750.000	52.358.000	12.750.000	52.358.000
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				1.706.833	7.942.034	1.706.833	7.942.034
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			6605				1.706.833	3.667.134	1.706.833	3.667.134
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện			6608					4.274.900		4.274.900
Hội nghị			6650				9.555.000	9.555.000	9.555.000	9.555.000
Chi phí khác			6699				9.555.000	9.555.000	9.555.000	9.555.000
Công tác phí			6700				6.850.000	13.750.000	6.850.000	13.750.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe			6701				1.800.000	2.700.000	1.800.000	2.700.000
Phụ cấp công tác phí			6702				1.450.000	1.450.000	1.450.000	1.450.000
Tiền thuê phòng ngủ			6703				600.000	3.600.000	600.000	3.600.000
Khoản công tác phí			6704				3.000.000	6.000.000	3.000.000	6.000.000
Chi phí thuê mướn			6750				59.520.000	202.617.600	59.520.000	202.617.600
Thuê lao động trong nước			6757				59.520.000	202.617.600	59.520.000	202.617.600

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			6900				18.890.000	66.452.080	18.890.000	66.452.080
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				6.090.000	15.090.000	6.090.000	15.090.000
Tài sản và thiết bị văn phòng			6913				12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000
Đường điện, cấp thoát nước			6921					27.405.000		27.405.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949					11.157.080		11.157.080
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000				134.415.500	545.772.500	134.415.500	545.772.500
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động			7004					13.940.000		13.940.000
Chi khác			7049				134.415.500	531.832.500	134.415.500	531.832.500
Mua sắm tài sản vô hình			7050				2.000.000	6.000.000	2.000.000	6.000.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			7053				2.000.000	6.000.000	2.000.000	6.000.000
Chi khác			7750				104.067.152	199.568.432	104.067.152	199.568.432
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện			7757				(3.858.500)		(3.858.500)	
Chi các khoản khác			7799				107.925.652	199.568.432	107.925.652	199.568.432
Nguồn Tiền thưởng theo NĐ73	18						212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Giáo dục tiểu học		072					212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Tiền thưởng			6200				212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Thưởng thường xuyên			6201				212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Cộng:					(32.000.000)		3.367.249.510	9.215.582.183	3.335.249.510	9.215.582.183
Phản ĐVSDNS ghi:										

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần ĐVSDNS ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Nền



Đào Thị Bích Thủy